

Số: 58/QĐ-THPT ĐTM

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế công khai của Trường THPT Đặng Thai Mai năm học 2025-2026

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn của hiệu trưởng được quy định trong điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư 32/2020/TT/BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT ĐẶNG THAI MAI QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế công khai của Trường THPT Đặng Thai Mai năm học 2025-2026, gồm các ông bà có tên sau:

- | | | |
|-----------------------------|-------------|----------------|
| 1. Ông Đàm Khắc Sĩ | Hiệu trưởng | Trưởng ban |
| 2. Ông Lê Anh Trường | Giám thị | Phó trưởng ban |
| 3. Bà Lê Thị Yến | Giáo viên | Thư ký |
| 4. Bà Phạm Thị Huệ | Bí thư đoàn | Thành viên |
| 5. Bà Phan Thị Kim Huyền | Kế toán thư | Thành viên |
| 6. Bà Nguyễn Thị Chinh Thùy | HT CMHS | Thành viên |

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ, chính xác các nội dung và tiến hành công khai theo đúng quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024.

Điều 3. Các bộ phận và cá nhân Ông (Bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Khắc Sĩ

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Các thành viên trong Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế công khai của Trường THPT Đặng Thai Mai, năm học 2025-2026.

Căn cứ Quyết định số 58.../QĐ-THPT ĐTM, ngày 28.../04.../2025 của Hiệu trưởng THPT Đặng Thai Mai về việc thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế công khai của Trường THPT Đặng Thai Mai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của BGD&ĐT; nay Hiệu trưởng nhà trường phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo như sau:

1. Ông Đàm Khắc Sĩ - Hiệu trưởng - Trưởng ban. Phụ trách chung, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, rút kinh nghiệm việc thực hiện.

2. Ông Lê Anh Trường - Phó trưởng ban. Thực hiện công khai:

- Thông tin chung về cơ sở giáo dục;
- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên;
- Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung;
- Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục;
- Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học.

3. Bà Lê Thị Yến - Thư ký tổng hợp các biểu mẫu công khai. Phụ trách chính việc niêm yết công khai theo quy định.

4. Bà Phan Thị Kim Huyền - TT VP- Kế toán - Thành viên. Phụ trách chính nội dung 3 công khai thu, chi tài chính, cơ sở vật chất.

5. Bà Phạm Thị Huệ - Bí thi Đoàn - Thành viên. Phụ trách đội ngũ, cập nhật thông tin, lưu hồ công khai.

6. Bà Nguyễn Thị Chinh Thủy - TB Đại diện CMHS - Thành viên. Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện quy định công khai cho CMHS trong toàn trường.

Yêu cầu các thành viên trong Ban Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công; chủ động liên hệ, trao đổi giữa các thành viên trong Ban Chỉ đạo, xin ý kiến của đồng chí Trưởng ban để thống nhất nội dung công việc nhằm thực hiện tốt Quy chế công khai trong nhà trường đúng thời gian quy định./.

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
Năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ ban hành về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các đơn vị thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện các quy định về Quy chế công khai năm học 2024 - 2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, Trường THPT Đặng Thai Mai xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục đồng thời để cán bộ, giảng viên, giáo viên, người lao động, người học, gia đình và xã hội biết và tham gia giám sát các hoạt động của nhà trường.

Tăng cường trách nhiệm giải trình của đơn vị. Điều chỉnh kịp thời các thiếu sót trong công tác quản lý, điều hành của cán bộ quản lý, các tổ chức đoàn thể, giáo viên trong đơn vị.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, cách thức và thời điểm theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Thông tin chung về trường

- Tên cơ sở giáo dục.
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.
- Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.
- Tổ chức bộ máy:
 - + Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);
 - + Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;
 - + Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;
 - + Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;
 - + Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);
 - + Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).
- Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông

báo tuyên dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

2. Nội dung về Thu, chi tài chính

- Công khai vào đầu năm, kết thúc HK1 và cuối năm học gồm các nội dung sau:

+ Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

+ Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

+ Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Số dư các quỹ theo quy định.

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

3. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

3.1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

3.2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

4.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

- Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường;

- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục,

4.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

+ Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh

nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

+ Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

+ Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

III. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

1. Cách thức công khai

Thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục, bao gồm:

- Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư này tính đến tháng 6 hằng năm;

- Báo cáo thường niên (theo Phụ lục1) để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư này:

- Việc bố trí nội dung công khai được quy định tại điểm a, b của Điều này trên cổng thông tin điện tử do nhà trường quyết định.

- Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới: phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp phụ huynh học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho phụ huynh học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới.

- Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian công khai:

2. 1. Thời điểm công khai của các cơ sở giáo dục như sau:

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

2.3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, nhà trường phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với Hiệu trưởng

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.

- Công khai các nội dung sau: Thông tin chung; Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên; Kiểm định chất lượng.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2024-2025 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2025-2026.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của các cấp

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học được biết.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

2. Trách nhiệm của các thành viên thực hiện công khai trong nhà trường.

2.1. Đối với kế toán thực hiện

- Công khai cơ sở vật chất

- Công khai Thu, chi tài chính.

- Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu tài chính. Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng

Đang chờ thông tin từ Bộ phận Quản lý chính sách BHYT năm 2023
để gửi lại các tài liệu cần thiết cho công tác quản lý chính sách

- Các tài liệu thuộc về nhân viên
- Các tài liệu thuộc về các quỹ công tác xã hội, công khai vào phiên họp
- Các tài liệu khác như là các tài liệu về công tác nhân sự
- Các tài liệu khác như là các tài liệu về BHYT, BHYT của trường THPT
- Các tài liệu khác như là các tài liệu phân công nhiệm vụ thực hiện
- Các tài liệu khác như là các tài liệu cấp thời để giải đáp.

(Chữ ký)

1/2

HUY TRƯỜNG

Đàm Khắc Sĩ

Số: 60/QĐ-THPT ĐTM

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công khai năm học 2025-2026 của Trường THPT Đặng Thai Mai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT ĐẶNG THAI MAI

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn của hiệu trưởng được quy định trong điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư 32/2020/TT/BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm:

- Thông tin chung về cơ sở giáo dục.
- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên.
- Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng.
- Thông tin về kết quả giáo dục năm học 2024-2025.
- Thông tin về mức thu học phí năm học 2025-2026.

Điều 2. Nội dung công khai được thực hiện bằng các hình thức sau:

- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.
- Đăng tải trên website chính thức của Trường THPT Đặng Thai Mai.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Khắc Sĩ

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

BIÊN BẢN CÔNG KHAI

- Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

I. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian: 08 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 06 năm 2025
- Địa điểm: Văn phòng Trường THPT Đặng Thai Mai

II. Thành phần tham dự:

1. Ông: Đàm Khắc Sĩ – Hiệu trưởng – Chủ trì
2. Ông: Lê Anh Trường - Giám thị
3. Bà: Lê Thị Yên – Giáo viên – Thư ký
4. Bà: Phạm Thị Huệ - Bí thư đoàn
5. Bà: Phan Thị Kim Huyền – Kế toán
6. Bà: Nguyễn Thị Chinh Thủy – CHT Hội CMHS
(Cùng các thành viên trong Hội đồng sư phạm nhà trường)

III. Nội dung công khai:

Nhà trường đã công khai trước toàn thể hội đồng các nội dung sau theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024:

- Thông tin chung về cơ sở giáo dục.
- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên.
- Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng.
- Thông tin về kết quả giáo dục năm học 2024-2025.
- Thông tin về mức thu học phí năm học 2025-2026.

IV. Hình thức công khai:

- Niêm yết tại bảng tin nhà trường;
- Công bố tại cuộc họp hội đồng;
- Đăng tải lên cổng thông tin/trang mạng xã hội chính thức của nhà trường (nếu có);

V. Kết luận:

- Toàn thể hội đồng sư phạm nhất trí với nội dung công khai đã được trình bày. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bản gồm 02 trang, có giá trị pháp lý như nhau. Một bản lưu tại văn phòng trường, một bản gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Thư ký

Lê Thị Yên

Chủ trì



Đàm Khắc Sĩ

**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐẶNG THAI MAI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025-2026

1. Tình hình chung

- Trường THPT Đặng Thai Mai tiền thân là Trường phổ thông trung học dân lập Đặng Thai Mai được thành lập theo Quyết định Số 1340/QĐ-UB ngày 26/03/1999 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập trường Phổ thông trung học dân lập Đặng Thai Mai, địa điểm đặt tại: HTX Đại Thắng, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đến ngày 28/01/2005, Trường phổ thông trung học dân lập Đặng Thai Mai xin chuyển địa điểm về Xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và được sự đồng ý tiếp nhận của UBND xã Hồng Kỳ ngày 23/2/2005, được sự đồng ý tiếp nhận của UBND huyện Sóc Sơn ngày 09/03/2005.

- Đến ngày 08/07/2011, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 3239/QĐ-UBND về việc cho phép trường THPT dân lập Đặng Thai Mai được chuyển đổi từ loại hình trường dân lập sang loại hình trường tư thục, trụ sở chính của trường đặt tại: Thôn 4, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Trường được xây dựng trên khuôn viên với diện tích là 3000m², trong đó diện tích sân chơi bãi tập là 1000m². Cơ sở vật chất đầy đủ với tổng số phòng học là 6 và đang xây dựng thêm dãy phòng học mới. Có các phòng làm việc, chức năng, phục vụ khác. Các phòng chức năng, các lớp học đều thoáng mát, sạch sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập đáp ứng được yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục. Trường có sân chơi, có bãi để xe (cho giáo viên và học sinh).

• Trong quá trình hình thành và phát triển nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Đảng ủy, chính quyền địa phương, xã Trung Giã. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đoàn kết, tâm huyết với giáo dục. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh ... hoạt động tốt góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

- Trường THPT Đặng Thai Mai có nguồn tài chính đảm bảo cho trường hoạt động. Các nguồn thu được nhà trường quản lý đúng quy định của Nhà

nước, sử dụng đúng mục đích, công bằng, công khai, minh bạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Trong những năm qua trường THPT Đặng Thai đã từng bước khẳng định uy tín, là trường có chất lượng giáo dục tốt. Nhiều năm liền Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được nhận giấy khen của huyện Đoàn.

- Năm học 2025-2026 trường có 06 lớp với số lượng học sinh là 255. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường là 28, trong đó 100% cán bộ, giáo viên có trình độ đạt chuẩn, 02 cán bộ, giáo viên trên chuẩn.

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo			
			HE làm việc có thời hạn, HE làm việc không thời hạn	Hợp đồng thỉnh giảng, HE ngắn hạn	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Khác
I	Giáo viên	21						
1	Ngữ văn	3	3	0	3	0	0	0
2	Lịch sử	2	2	0	2	0	0	0
3	Địa lý	3	0	3	1	2	0	0
4	GD công dân	2	0	2	2	0	0	0
5	Tiếng Anh	3	1	2	3	0	0	0
6	N.Ngữ khác	0	0	0	0	0	0	0
7	Toán học	3	2	1	3	0	0	0
8	Vật lý	1	1	0	1	0	0	0
9	Hóa học	0	0	0	0	0	0	0
10	Sinh học	0	0	0	0	0	0	0
11	Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0
12	Tin học	2	1	1	2	0	0	0
13	GD thể chất	1	0	1	1	0	0	0
14	GD quốc phòng	1	0	1	1	0	0	0

15	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0
16	Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	01	01					
1	Hiệu trưởng	01	01					
III	Nhân viên	07						
1	Văn thư	01	01		01			
2	Kế toán	(kiêm nhiệm)						
3	Thủ quỹ (kiêm nhiệm)	1						
4	Y tế	01		01			01	
5	Thư viện	01	01		01			
6	Bảo vệ	02	02					02
7	Lao công	01	01					01

III. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập năm 2025-2026

1. Cơ sở vật chất

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	06	
1	Phòng học kiên cố	06	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	05	
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	02	
6	Số phòng học đa chức năng		
7	Bình quân lớp/phòng	01	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	3000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	
VI	Tổng diện tích các phòng	954	
1	Diện tích phòng học	770	
2	Diện tích phòng chuẩn bị		
3	Diện tích thư viện	64	

4	Diện tích nhà tập đa năng		
5	Diện tích phòng khác (HĐ, HT, YT...)	120	
VII	Tổng thiết bị dạy học tối thiểu (ĐVT: Bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối 10	0	
2	Khối 11	15	5
3	Khối 12	15	5
VIII	Tổng số máy tính đang sử dụng		2 học sinh/bộ
1	Máy tính	27	
IX	Tổng thiết bị đang sử dụng	06	
1	Tivi	3	
2	Máy chiếu	3	

	Nội dung	Số lượng (m3)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	01		02		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/04/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học sơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/03/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối Internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (Website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Tài liệu học tập

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

- Danh mục SGK lớp 11 năm học 2025-2026;

STT	Môn học	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Ngữ Văn	- Ngữ văn 11 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Ngữ Văn 11 (Tập 1, 2)	Cánh diều
2	Toán	- Toán 11 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Toán 11 (Tập 1, 2)	Cánh diều
3	Tiếng Anh	- Tiếng Anh 11 Global success	
4	Lịch sử	- Lịch sử 11 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Tập 1, 2)	Cánh diều
5	Giáo dục thể chất	- GDTC 11 môn Đá Cầu	Cánh diều
6	GDQP và An Ninh	- Giáo dục Quốc phòng và an ninh 11	Cánh diều
7	Vật lý	- Vật lý 11	Cánh diều
8	Địa lý	- Địa lý 11	Cánh diều
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 11	Kết nối tri thức cuộc sống
10	Tin học	- Tin học 11	Kết nối tri thức cuộc sống
11	Hoạt động trải nghiệm	- Hoạt động trải nghiệm 11	Cánh diều
12	Giáo dục địa phương	- Giáo dục địa phương 11	Cánh diều

- Danh mục SGK lớp 12 năm học 2025-2026;

STT	Môn học	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Ngữ Văn	- Ngữ văn 12 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Ngữ Văn 12 (Tập 1, 2)	Cánh diều
2	Toán	- Toán 12 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Toán 12 (Tập 1, 2)	Cánh diều
3	Tiếng Anh	- Tiếng Anh 12 Global success	
4	Lịch sử	- Lịch sử 12 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Tập 1, 2)	Cánh diều
5	Giáo dục thể chất	- GDTC 12 - môn Đá Cầu	Cánh diều
6	GDQP và An Ninh	- Giáo dục Quốc phòng và an ninh 12	Cánh diều
7	Vật lý	- Vật lý 12;	Cánh diều
8	Địa lý	- Địa lý 12	Cánh diều
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Kết nối tri thức cuộc sống
10	Tin học	- Tin học 12	Kết nối tri thức cuộc sống
11	Hoạt động trải nghiệm	- Hoạt động trải nghiệm 12	Cánh diều
12	Giáo dục địa phương	- Giáo dục địa phương 12	Cánh diều

IV. Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	256	131	125		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	79.69%	74.81%	84.8%		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	16.8%	18.32%	15.2%		
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3.52%	6.87%			

4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	256	131	125		
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.84%	9.16%	20.8%		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	66.8%	61.07%	72.8%		
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	16.41%	25.95%	6.4%		
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.95%	3.82%			
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	256	131	125		
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.05%	96.18%	100%		
a	Học sinh SX (tỷ lệ so với tổng số)	0.39%		0.8%		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.45%	9.16%	20%		
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	66.68%	61.07%	72.8%		
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.95%	1.95%			
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)			0.391%		
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2.344%	1.563%	0.781%		
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	0	0			
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0			
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					

1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0		
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	156/100	80/51	76/49	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0		

V. MỨC THU HỌC PHÍ (theo thông báo của Hội đồng trường)

Năm học	Lớp 10 Mức học phí/HS/tháng (VNĐ)	Lớp 11 Mức học phí/HS/tháng (VNĐ)	Lớp 12 Mức học phí/HS/tháng (VNĐ)
2024 - 2025	700.000	750.000	-
2025 - 2026	700.000	750.000	800.000
2026 - 2027	800.000	950.000	1.000.000
2027 - 2028	1.050.000	1.100.000	1.150.000

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Đàm Khắc Sĩ

**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐẶNG THAI MAI**

Công khai mức thu học phí năm học 2025 – 2026

I. MỨC THU HỌC PHÍ

STT	Học sinh khối lớp	Mức học phí/học sinh/tháng
1	Lớp 10	700.000 đồng
2	Lớp 11	750.000 đồng
3	Lớp 12	800.000 đồng

II. VỀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

1. Mức giảm 30%

- Con thương binh, liệt sĩ (có xác nhận của chính quyền địa phương).

2. Mức giảm 20%

- Con hộ nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương).

- Con mồ côi cả cha, mẹ (có xác nhận của chính quyền địa phương).

3. Mức giảm 10%

- Hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương).

- Có anh, chị, em ruột cùng học tại trường (Giảm cho học sinh thứ 2. Yêu cầu đơn của phụ huynh và xác nhận của giáo viên chủ nhiệm).

3. Mức hỗ trợ khác

- Hỗ trợ vé xe buýt hàng tháng cho những học sinh ở xa vượt khó (cách trường từ 15km trở lên).

- Nhà trường sẽ xem xét cụ thể từng trường hợp và hỗ trợ học phí cho những học sinh gặp khó khăn đột xuất (có xác nhận của chính quyền địa phương).

Lưu ý:

• Học sinh thuộc 02 diện sẽ chỉ tính 01 diện (mức giảm cao hơn). Học sinh thuộc cả 03 diện trở lên thì sẽ được xem xét hỗ trợ thêm nếu quá khó khăn.

• Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được thực hiện sau khi học sinh hoàn tất các thủ tục nhà trường yêu cầu.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025



**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐẶNG THAI MAI**

**Công khai cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung
Năm học 2025-2026**

1. Cơ sở vật chất

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	06	
1	Phòng học kiên cố	06	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	05	
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	02	
6	Số phòng học đa chức năng		
7	Bình quân lớp/phòng	01	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	3000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2000	
VI	Tổng diện tích các phòng	954	
1	Diện tích phòng học	770	
2	Diện tích phòng chuẩn bị		
3	Diện tích thư viện	64	
4	Diện tích nhà tập đa năng		
5	Diện tích phòng khác (HĐ, HT, YT...)	120	
VII	Tổng thiết bị dạy học tối thiểu (ĐVT: Bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối 10	15	5
2	Khối 11	15	5
3	Khối 12		
VIII	Tổng số máy tính đang sử dụng		2 học sinh/bộ
1	Máy tính	24	
IX	Tổng thiết bị đang sử dụng	06	
1	Tivi	3	
2	Máy chiếu	3	

	Nội dung	Số lượng (m3)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	01		02		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/04/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học sơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/03/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối Internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (Website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Tài liệu học tập

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

Danh mục SGK lớp 11 năm học 2025-2026;

STT	Môn học	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Ngữ Văn	- Ngữ văn 11 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Ngữ Văn 11 (Tập 1, 2)	Cánh diều
2	Toán	- Toán 11 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Toán 11 (Tập 1, 2)	Cánh diều
3	Tiếng Anh	- Tiếng Anh 11 Global success	
4	Lịch sử	- Lịch sử 11 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Tập 1, 2)	Cánh diều
5	Giáo dục thể chất	- GDTC 11 môn Đá Cầu	Cánh diều
6	GDQP và An Ninh	- Giáo dục Quốc phòng và an ninh 11	Cánh diều
7	Vật lý	- Vật lý 11	Cánh diều
8	Địa lý	- Địa lý 11	Cánh diều
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 11	Kết nối tri thức cuộc sống
10	Tin học	- Tin học 11	Kết nối tri thức cuộc sống
11	Hoạt động trải nghiệm	- Hoạt động trải nghiệm 11	Cánh diều
12	Giáo dục địa phương	- Giáo dục địa phương 11	Cánh diều

- Danh mục SGK lớp 12 năm học 2025-2026;

STT	Môn học	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Ngữ Văn	- Ngữ văn 12 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Ngữ Văn 12 (Tập 1, 2)	Cánh diều
2	Toán	- Toán 12 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Toán 12 (Tập 1, 2)	Cánh diều
3	Tiếng Anh	- Tiếng Anh 12 Global success	
4	Lịch sử	- Lịch sử 12 (tập 1, 2); - Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Tập 1, 2)	Cánh diều
5	Giáo dục thể chất	- GDTC 12 - môn Đá Cầu	Cánh diều
6	GDQP và An Ninh	- Giáo dục Quốc phòng và an ninh 12	Cánh diều
7	Vật lý	- Vật lý 12;	Cánh diều
8	Địa lý	- Địa lý 12	Cánh diều
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Kết nối tri thức cuộc sống
10	Tin học	- Tin học 12	Kết nối tri thức cuộc sống
11	Hoạt động trải nghiệm	- Hoạt động trải nghiệm 12	Cánh diều
12	Giáo dục địa phương	- Giáo dục địa phương 12	Cánh diều

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025


Đàm Khắc Sĩ

**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐẶNG THAI MAI**

Thông tin về đội ngũ Giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên
Năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo			
			HĐ làm việc có thời hạn, HĐ làm việc không thời hạn	Hợp đồng thỉnh giảng, HĐ ngắn hạn	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Khác
I	Giáo viên	21						
1	Ngữ văn	3	3	0	3	0	0	0
2	Lịch sử	2	2	0	2	0	0	0
3	Địa lý	3	0	3	1	2	0	0
4	GD công dân	2	0	2	2	0	0	0
5	Tiếng Anh	3	1	2	3	0	0	0
6	N.Ngữ khác	0	0	0	0	0	0	0
7	Toán học	3	2	1	3	0	0	0
8	Vật lý	1	1	0	1	0	0	0
9	Hóa học	0	0	0	0	0	0	0
10	Sinh học	0	0	0	0	0	0	0
11	Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0
12	Tin học	2	1	1	2	0	0	0
13	GD thể chất	1	0	1	1	0	0	0
14	GD quốc phòng	1	0	1	1	0	0	0

15	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0
16	Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	01	01					
1	Hiệu trưởng	01	01					
III	Nhân viên	07						
1	Văn thư	01	01		01			
2	Kế toán (kiêm nhiệm)							
3	Thủ quỹ (kiêm nhiệm)	1						
4	Y tế	01		01			01	
5	Thư viện	01	01		01			
6	Bảo vệ	02	02					02
7	Lao công	01	01					01

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Đàm Khắc Sĩ

**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐẶNG THAI MAI**

Thông tin về kết quả giáo dục năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	256	131	125		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	79.69%	74.81%	84.8%		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	16.8%	18.32%	15.2%		
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3.52%	6.87%			
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	256	131	125		
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.84%	9.16%	20.8%		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	66.8%	61.07%	72.8%		
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	16.41%	25.95%	6.4%		
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.95%	3.82%			
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	256	131	125		
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.05%	96.18%	100%		
a	Học sinh SX (tỷ lệ so với tổng số)	0.39%		0.8%		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.45%	9.16%	20%		
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	66.68%	61.07%	72.8%		
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.95%	1.95%			

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)			0.391%		
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2.344%	1.563%	0.781%		
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	0	0			
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0			
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	156/100	80/51	76/49		
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0			

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Khắc Sĩ